

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2017

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở Tài chính Gia Lai.

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước làm và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi xin báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp cụ thể sau:

1. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

a) Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

Công ty góp vốn tham gia xây dựng thủy điện kênh Bắc Ayunhà đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đồng ý tại công văn số 3439/UBND-TH ngày 27 tháng 11 năm 2007; với số tiền tham gia góp vốn là 1.872.000.000 đồng trên tổng giá trị xây dựng 23.855.000.000 đồng.

Do nhà máy xây dựng bằng vốn vay ngân hàng là chủ yếu, nên những năm qua giá trị thu được từ sản lượng điện bán ra sau khi chi phí cho hoạt động, số còn lại dùng để chi trả lãi và vốn vay nên chưa thực hiện chia cổ tức.

Mặc dù chưa được chia cổ tức do phải ưu tiên để chi trả tiền vay ngân hàng nhưng nhà máy thủy điện kênh Bắc Ayunhà được xây dựng trên hệ thống kênh chính, lượng nước dùng để phát điện được sử dụng từ nguồn nước tưới cho lúa, màu; do vậy tận dụng từ nguồn nước tưới cho cây trồng công ty thu thêm được tiền cấp nước cho nhà máy thủy điện kênh Bắc Ayunhà với tổng số tiền thu được là: 3.124.073.453 đồng; Cụ thể:

- Năm 2011: 147.103.621 đồng (bắt đầu đưa vào vận hành phát điện từ tháng 4/2011);
- Năm 2012: 393.161.152 đồng;
- Năm 2013: 515.276.353 đồng;
- Năm 2014: 658.392.436 đồng;
- Năm 2015: 575.598.117 đồng.
- Năm 2016: 460.523.347 đồng
- 6 tháng đầu năm 2017: 374.018.427 đồng.

b) Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

Việc trích khấu hao tài sản, thanh lý, nhượng bán tài sản, xử lý tài sản và công cụ dụng cụ hư hỏng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật;

Trong năm công ty thực hiện tốt việc thu nợ và chi trả cho khách hàng nên không để xảy ra nợ phải thu khó đòi và nợ phải trả quá hạn.

2. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn

Nguồn vốn công ty được nhà nước giao quản lý và sử dụng đảm bảo hiệu quả, không để xảy ra thất thoát và mất vốn, nguồn vốn luôn luôn được bảo toàn.

Do doanh nghiệp là đơn vị thực hiện nhiệm vụ công ích không vì mục tiêu lợi nhuận, mặc dù vậy công ty vẫn tận dụng tài sản và tiền vốn được giao để thực hiện các hoạt động ngoài nhiệm vụ công ích nhằm mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp để tăng phần nộp cho ngân sách nhà nước và trích lập các quỹ, hạn chế việc xin cấp bù cho hai quỹ khen thưởng và phúc lợi.

3. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp

Sản lượng sản xuất sản phẩm chủ yếu của doanh nghiệp là cấp nước tưới cho cây trồng được tính bằng ha, diện tích cấp nước tưới cho cây trồng năm sau luôn cao hơn cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

Diện tích thực hiện tưới vụ Đông xuân năm 2017 là: 16.536,09 ha; đạt 57,95% kế hoạch năm và tăng 1,58% so với vụ Đông xuân năm 2016.

Chi phí hoạt động của doanh nghiệp được cân đối từ nguồn thu, doanh thu phụ thuộc vào mức thu do nhà nước quy định theo từng thời kỳ.

Công ty thực hiện tốt nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, cụ thể: Tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước trong 6 tháng đầu năm 2017 là: 599,45 triệu đồng; trong đó: nộp thuế tháng 12 năm 2016 kê khai trong tháng 01 năm 2017 là: 346,812 đồng, nộp thuế phát sinh của 6 tháng năm 2017 là: 252,638 triệu đồng. Tổng số thuế phát sinh 6 tháng đầu năm phải nộp là: 419,75 triệu đồng, đạt 63,6% kế hoạch năm 2017.

Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ đảm bảo đúng theo quy định của nhà nước.

Trong năm lượng tiền mặt mà doanh nghiệp tạo ra đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính của doanh nghiệp và thanh toán kịp thời các khoản nợ đến hạn.

4. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật

Công ty tuân thủ và chấp hành các chế độ, chính sách và các quy định của pháp luật, cụ thể: Chế độ kế toán, thống kê; chính sách thuế, chính sách tiền lương, bảo hiểm và các chính sách khác.

Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Gia Lai báo cáo phân tích, đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2017/.

Nơi nhận: *U*

- Như trên;
- Lưu VT, TV.



Trương Văn

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Cùng kỳ năm 2015	Cùng kỳ năm 2016	Thực hiện năm 2017		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm	Thực hiện kỳ	Cùng kỳ năm 2015	Cùng kỳ năm 2016	Kế hoạch năm
	[1]	[2]	[3]	[4]	[5]=[4]/[1]	[6]=[4]/[2]	[7]=[4]/[3]
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu (ha)	15.941,48	16.278,27	28.536,98	16.536,09	103,73	101,58	57,95
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu (ha)	15.941,48	16.278,27	28.536,98	16.536,09	103,73	101,58	57,95
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.953,79	18.157,3	34.305	19.562,95	115,39	107,74	57,03
2. Giá vốn hàng bán	14.452,32	15.085,82	27.805	16.695,65	115,52	110,67	60,05
3. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.501,47	3.701,48	6.500	2.867,3	114,62	77,46	44,11
4. Doanh thu hoạt động tài chính	280,18	233,62		231,06	82,47	98,9	
5. Chi phí tài chính							
6. Chi phí bán hàng							
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.476,58	3.055,7	6.500	2.822,84	113,98	92,38	43,43
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	305,07	249,4		275,52	90,31	110,47	
9. Thu nhập khác	0,9	42,27					
10. Chi phí khác		10,5					
11. Lợi nhuận khác	0,9	31,77					
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	305,97	281,17		275,52	90,05	97,99	
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	67,31	61,86		55,1	81,86	89,07	
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	238,66	219,31		220,42	92,36	100,51	

Người lập biểu
(Ký)

Phan Dinh Hanh



Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)
Trương Văn

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2017
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Doanh thu		Lợi nhuận sau thuế		Cổ tức hoặc lợi nhuận được chia năm báo cáo	Tỷ lệ lợi nhuận được chia trên vốn đầu tư (%)	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn của công ty con, công ty LK	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty LK		
		Giá trị vốn góp			Tỷ lệ vốn góp (%)					Kỳ/Năm trước	Kỳ/Năm báo cáo	Kỳ/Năm trước	Kỳ/Năm báo cáo						
		Kế hoạch	Năm trước	Tại thời diểm 30/06/2017	Kế hoạch	Năm trước	Tại thời diểm 30/06/2017												
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)=(15)/(5)	(17)	(18)		
I	Công ty con																		
II	Công ty liên kết			1.872			20,8	9.000	9.000	1.222	3.429	-387	1.097						
III	Đầu tư tài chính							x	x	x	x	x	x		x	x			

Người lập biểu
(Ký)

Phan Binh Thanh



Trương Văn

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB
(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư						Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Nguồn vốn huy động			Giá trị khối lượng thực hiện đến 30/06/2017			Giải ngân đến ngày 30/06/2017			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%	Tổng số		Thời hạn vay	Lãi suất (%)	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày..	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày..		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
A Các dự án nhóm A																			
B Các dự án nhóm B																			
C Các dự án khác																			
1	Sửa chữa, nâng cấp đập An Phú và đập Bà Dĩ		1.500	1.500					2017					1.100					
2	Nối dài kênh N11, N33 hồ chứa nước Ia Mlah		11.500	11.500					2016-2017					4.340					

Người lập biểu
(Ký)

Phan Anh Thành

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)



Trương Văn

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH NĂM 2016

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1. Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm?	28.536,98 ha	16.536,09 ha	57,95 %	101,58 %
2. Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu?				
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu?				
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	34.305 tr.đ	19.405,94 tr.đ	56,57 %	107,69 %
5. Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	34.305 tr.đ	19.405,94 tr.đ	56,57 %	107,69 %

Người lập biểu
(Ký)



Phạm Đình Thành

Giám đốc doanh nghiệp
(Ký, đóng dấu)




Trương Văn